

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2025/HS-ST
Ngày: 24/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh
Ông Trần Văn Chánh
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 169/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1994, tại TP ..

Nơi cư trú: 169/102/13 N, phường B, quận B, TP .; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Tấn H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1971; Vợ: Nguyễn Hoàng Ngọc S, sinh năm 1995; Có 02 con (Lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt: 19/12/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B (Có mặt).

+ Bị hại: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: C H, phường T, TP ., tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

+ Bị đơn dân sự: Trung tâm thương mại T2 - Công ty cổ phần D1 – Đại diện theo pháp luật ông Trương Mạnh H1. Chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ: A H, phường Q (nay phường T), TP ., tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Châu Thị Minh H2, sinh năm 1991.

Địa chỉ: A, khu phố B, phường T, TP ., tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Châu Thị Minh H2, sinh năm 1991.

Địa chỉ: A, khu phố B, phường T, TP ., tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Hoàng Ngọc S, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 5, khu phố B, phường Q, TP ., tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền tiêu xài, Nguyễn Tấn P nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức giả mua bia giao cho các cửa hàng tạp hóa. Thực hiện ý định trên, trong khoảng thời gian từ ngày 30/9/2019 đến ngày 03/10/2019, P đã thực hiện 02 vụ lừa đảo trên địa bàn thành phố B, cụ thể như sau:

+ Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 30/9/2019, P sử dụng điện thoại hiệu S1 (gắn sim rác, không nhớ số sim) gọi điện đến đại lý bia số C1 (địa chỉ: số C đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) do anh Nguyễn Thành T làm chủ, giả vờ đặt mua 40 thùng bia hiệu Tiger (loại 24 lon) và 20 thùng nước ngọt (hiệu Coca và S), đồng thời yêu cầu giao hàng tại khu vực Mũi T phường Quyết Thắng (nay thuộc phường T) thì được anh T đồng ý. Sau đó, anh T cùng với nhân viên là anh Đào Ngọc T1 sử dụng xe ô tô chở số bia và nước ngọt trên đi giao. Sau khi đặt mua bia và nước ngọt xong, P sử dụng xe mô tô (nhãn hiệu Wave màu trắng biển số 60F2-785.23) đi đến tiệm tạp hóa “Thu Hà”, địa chỉ: số I đường N, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do vợ chồng bà Huỳnh Thị Thu H3 và ông Lê Viết C làm chủ, nói dối với ông C là gia đình tổ chức đám giỗ có dư 30 thùng bia và chào bán với giá 295.000 đồng (hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng)/thùng) thì được ông C đồng ý mua. Lúc này, P đi đến điểm hẹn đón, dẫn đường cho anh T và anh T1 đi đến tiệm tạp hóa “T” giao 20 thùng bia hiệu Tiger cho ông C và tiếp tục nói anh T đi giao số bia còn lại cho đám cưới ở phường H. Sau đó, trên đường đi về hướng phường H, P đã lên quay lại tiệm tạp hóa “Thu H3” lấy số tiền 5.900.000 đồng (năm triệu, chín trăm nghìn đồng) do ông C thanh toán và tẩu thoát. Sau khi phát hiện không thấy P dẫn đường, anh T quay lại tiệm tạp hóa “Thu Hà” thì biết được P đã lấy số tiền trên, phát hiện bị lừa đảo nên anh T đã đến Công an phường T trình báo.

* Vật chứng của vụ án gồm:

- 20 thùng bia hiệu T3 (loại 24 lon), chiếm đoạt của anh Nguyễn Thành T, đã giao cho tiệm tạp hóa “Thu Hà” của ông Lê Viết C. Do ông C đã giao tiền cho P nên ông T và ông C đã thống nhất để lại số bia trên cho ông C sử dụng nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

- Số tiền 5.900.000 đồng (năm triệu, chín trăm nghìn đồng), có được từ hành vi phạm tội, bị cáo đã tiêu xài hết. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- 01 chiếc xe mô tô (nhãn hiệu Wave màu trắng biển số 60F2-785.23) mà P đã sử dụng làm phương tiện đi thực hiện tội phạm. Kết quả xác minh thể hiện: Xe do bà Hoàng Thị M, sinh năm 1972, nơi đăng ký thường trú: Tổ A, khu phố A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là di của vợ P đứng tên đăng ký chủ sở hữu, gửi tại nhà của vợ P. Ngày 30/9/2019, P tự ý lấy xe đi sử dụng vào việc phạm

tội, sau đó đã trả lại. Gia đình và bà M đều không biết P lấy xe và sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không tạm giữ.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 649/TCKH-HĐĐG ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “20 thùng bia hiệu Tiger (loại 24 lon) tổng trị giá 6.300.000 đồng (sáu triệu, ba trăm nghìn đồng).

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Thành T đã được chị Nguyễn Hoàng Ngọc S (là vợ của bị cáo) bồi thường số tiền 5.900.000 đồng (năm triệu, chín trăm nghìn đồng) theo yêu cầu và không có yêu cầu gì khác.

+ Vụ thứ hai: Bằng thủ đoạn tương tự nêu trên. Vào sáng ngày 03/10/2019, P điều khiển xe mô tô (nhãn hiệu Airblade màu xám biển số 54Z5-4325) đi đến tiệm tạp hóa “Anh H4” (địa chỉ: số B đường P, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) do vợ chồng ông Lương Cẩm D và bà Nguyễn Thị Kim H5 làm chủ, nói dối với anh D là P có 100 thùng bia Tiger gia đình đãi tiệc không sử dụng hết cần bán lại với giá 310.000 đồng (ba trăm mười nghìn đồng)/thùng) thì được anh D đồng ý mua 60 thùng. Sau đó, đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, P tiếp tục sử dụng điện thoại trên (có gắn sim số 0812.541234) gọi đến Trung tâm thương mại thuộc Công ty cổ phần D1, địa chỉ: số A đường H, phường Q (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì gặp chị Châu Thị Minh H2 là nhân viên bán hàng của Trung tâm, P giới thiệu giả làm người của đại lý bia “Anh H4” phường T và đặt mua 100 thùng bia hiệu Tiger (loại 24 lon), 20 thùng bia hiệu Heniken, 30 thùng nước ngọt (các loại hiệu Cocacola, Sting và 7UP), đồng thời yêu cầu giao hàng cho đại lý “Anh H4” và một đám cưới trong hẻm thuộc phường T thì chị H2 đồng ý, xuất hóa đơn theo số lượng trên và phân công cho anh Lê Hòa Đ là nhân viên lái xe đi giao. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh Đ điều khiển xe tải chở số bia và nước ngọt trên đi đến khu vực V thuộc phường T gọi điện thoại cho P thì được P dẫn đường đi đến tạp hóa “Anh H4” và nói anh Đ giao xuống 60 thùng bia hiệu Tiger vào bên trong. Sau đó, P nói dối anh Đ giao số bia còn lại và toàn bộ số nước ngọt đến đám cưới trong hẻm (qua ngã tư hướng Công an phường T). Tưởng thật nên anh Đ tiếp tục điều khiển xe đi theo hướng dẫn của P nhưng khi đi đến đoạn đường V thì không nhìn thấy P, anh Đ gọi điện thoại cho P nhưng không liên lạc được, nghi ngờ bị lừa nên anh Đ điều khiển xe quay lại tạp hóa “Anh H4” thì được anh D cho biết là đã trả tiền bia cho P 18.300.000 đồng (mười tám triệu, ba trăm nghìn đồng). Lúc này, biết được đã bị lừa nên anh Đ đến Công an phường T trình báo. Sau đó, vụ việc được Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố, điều tra xử lý.

* Vật chứng của vụ án gồm:

- 60 thùng bia hiệu T3 (loại 24 lon), chiếm đoạt của chị Châu Thị Minh H2, đã giao cho tiệm tạp hóa “Anh H4” của ông Lương Cẩm D. Do ông D đã giao tiền cho P nên chị H2 và ông D đã thống nhất để lại số bia trên cho ông D sử dụng nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

- Số tiền 18.300.000 đồng (mười tám triệu, ba trăm nghìn đồng) có được từ hành vi phạm tội, P đã tiêu xài hết. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- 01 chiếc xe mô tô (nhãn hiệu Airblade màu xám biển số 54Z5-4325) P sử dụng làm phương tiện đi thực hiện tội phạm. P xác định xe do P mua lại tại thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ rõ địa chỉ, không nhớ tên chủ xe). Sau khi sử dụng phạm tội đến năm 2020, P đã bán cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 645/TCKH-HĐĐG ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “60 thùng bia hiệu Tiger (loại 24 lon) tổng trị giá 18.900.000 đồng (mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng)”.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị đơn dân sự là Trung tâm thương mại thuộc Công ty cổ phần D1 do chị Châu Thị Minh H2 (là người đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Phong phải bồi thường số tiền 18.900.000 đồng (mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng). Hiện P chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 205/CT-VKSBH ngày 06/3/2025 của Viện kiểm Sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 16 đến 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn P đã khai nhận để có tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản; trong khoảng thời gian từ ngày 30/9/2019 đến ngày 03/10/2019, bị cáo đã thực hiện 02 vụ lừa đảo trên địa bàn thành phố B, cụ thể như sau:

+ Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 30/9/2019, bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 20 thùng bia hiệu Tiger (loại 24 lon) tổng trị giá 6.300.000 đồng (sáu triệu, ba trăm nghìn đồng), của đại lý bia số C1, địa chỉ: số C đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) do anh Nguyễn Thành T làm chủ.

+ Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ 30 phút 03/10/2019, P tiếp tục có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 60 thùng bia hiệu Tiger (loại 24 lon), tổng trị giá 18.900.000 đồng (mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng), của Trung tâm thương mại T2 thuộc

Công ty cổ phần D1 địa chỉ: số A đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì bị phát hiện, khởi tố, điều tra xử lý. Đến ngày 19/12/2024, bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 649/TCKH-HĐĐG ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “20 thùng bia hiệu Tiger (loại 24 lon) tổng trị giá 6.300.000 đồng (sáu triệu, ba trăm nghìn đồng)”.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 645/TCKH-HĐĐG ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “60 thùng bia hiệu Tiger (loại 24 lon) tổng trị giá 18.900.000 đồng (mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng)”.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được là 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn P đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố và viện dẫn.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cũng chỉ vì lười lao động đồng thời cũng muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, không những làm ảnh hưởng đến cuộc sống của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án tiền sự, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả được một phần cho bị hại, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn con nhỏ, mẹ ruột bị bệnh bướu ác tính xạ trị theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại anh Nguyễn Thành T đã được chị Nguyễn Hoàng Ngọc S (vợ của bị cáo) bồi thường số tiền 5.900.000 đồng (năm triệu, chín trăm nghìn đồng) theo yêu cầu và anh T không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

+ Quá trình điều tra chị Châu Thị Minh H2 đã bồi thường số tiền 18.900.000 đồng cho Công ty cổ phần D1. Đồng thời, tại phiên tòa chị H2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền 18.900.000 đồng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 20 thùng bia hiệu Tiger (loại 24 lon), chiếm đoạt của anh Nguyễn Thành T, đã giao cho tiệm tạp hóa “Thu Hà” của ông Lê Viết C. Do ông C đã giao tiền cho bị cáo nên ông T và ông C đã thống nhất để lại số bia trên cho ông C sử dụng nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

- Số tiền 5.900.000 đồng (năm triệu, chín trăm nghìn đồng), có được từ hành vi phạm tội, bị cáo đã tiêu xài hết. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- 01 chiếc xe mô tô (nhãn hiệu Wave màu trắng biển số 60F2-785.23) mà bị cáo đã sử dụng làm phương tiện đi thực hiện tội phạm. Kết quả xác minh thể hiện: Xe do bà Hoàng Thị M, sinh năm 1972, nơi đăng ký thường trú: Tổ A, khu phố A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là di của vợ bị cáo đứng tên đăng ký chủ sở hữu, gửi tại nhà của vợ bị cáo. Ngày 30/9/2019, bị cáo tự ý lấy xe đi sử dụng vào việc phạm tội, sau đó đã trả lại. Gia đình và bà M đều không biết bị cáo lấy xe và sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không tạm giữ.

- 60 thùng bia hiệu T3 (loại 24 lon), chiếm đoạt của chị Châu Thị Minh H2, đã giao cho tiệm tạp hóa “Anh H4” của ông Lương Cẩm D. Do ông D đã giao tiền cho bị cáo nên chị H2 và ông D đã thống nhất để lại số bia trên cho ông D sử dụng nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

- Số tiền 18.300.000 đồng (mười tám triệu, ba trăm nghìn đồng) có được từ hành vi phạm tội, bị cáo đã tiêu xài hết. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- 01 chiếc xe mô tô (nhãn hiệu Airblade màu xám biển số 54Z5-4325) bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi tội phạm. Bị cáo xác định xe do bị cáo mua lại tại thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ rõ địa chỉ, không nhớ tên chủ xe). Sau khi sử dụng phạm tội đến năm 2020 bị cáo đã bán cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn P** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2024.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp

luật. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Bị cáo, bị hại (2);
- Bị đơn dân sự; Người có QLNVLQ (4);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Phạm Phước Tiến